

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17 – 4 - 2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh
2. Bà Nguyễn Thị Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2020/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D , sinh năm 1979

- Bị đơn: Chị Dương Thị Cẩm V , sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: ấp P, xã S, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/01/2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Anh D và chị V cưới nhau vào năm 2001, hôn nhân do quen biết, hai bên tự nguyện với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 6 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Anh D và chị V sống chung hạnh

phúc được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống do anh D và chị V thường xuyên bất đồng ý kiến với nhau, không tôn trọng nhau, chị V có nhiều mối quan hệ bất thường bên ngoài và thường bỏ nhà đi không quan tâm đến gia đình; anh D có khuyên ngăn nhiều lần nhưng chị V vẫn không thay đổi từ đó bất đồng quan điểm sống nên anh D và chị V sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không trở về đoàn tụ. Anh D nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với chị V.

Về con chung: Anh D và chị V có hai người con chung tên Nguyễn Dương Ngọc Hân, sinh ngày 27/6/2003 và Nguyễn Dương Ngọc Y, sinh ngày 22/6/2005 hiện nay đang sống với chị V. Anh D đồng ý giao hai con chung cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Dương Thị Cẩm V: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 196, 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng chị V không có ý kiến gì bằng văn bản.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đã được Tòa án công khai tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 10/3/2020.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

- + Về hôn nhân: Căn cứ vào bản chính giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Dương Thị Cẩm V được Ủy ban nhân dân xã S, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 22 tháng 6 năm 2007 thì anh D và chị V là hôn nhân hợp pháp.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho chị V nhưng chị V không có ý kiến gì bằng văn bản và qua hai lần tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì chị V cũng không tham dự nên không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện của anh D yêu cầu ly hôn với chị V là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về trình tự, thủ tục tố tụng*: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 31/3/2020 anh D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh D.

Đối với chị V Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho chị V nhưng chị V vẫn vắng mặt cả hai lần không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị V.

[2]. *Về yêu cầu khởi kiện*:

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh D là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh D và chị V thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau nên anh D và chị V sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không trở về đoàn tụ, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, không tự hàn gắn được. Xét thấy, hôn nhân giữa anh D và chị V đã trầm trọng, không còn đời sống chung vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D với chị V; cho anh D được ly hôn với chị V.

- Về con chung: Anh D và chị V có hai người con chung tên Nguyễn Dương Ngọc H, sinh ngày 27/6/2003 và Nguyễn Dương Ngọc Y, sinh ngày 22/6/2005 hiện nay chị V nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh D không yêu cầu nuôi con và đồng ý giao hai con chung cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng. Mặc khác, tại bản tự khai của cháu H và cháu Y, ghi cùng ngày 06/01/2020 đều có nguyện vọng sống với chị V sau khi chị và anh D ly hôn với nhau; nhằm tránh xáo trộn và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu H và cháu Y, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần; đồng thời trong quá trình tranh tụng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị V nhưng chị V không có ý kiến gì bằng văn bản và cũng không phản đối về việc anh D đồng ý tiếp tục giao hai con chung là cháu H và cháu Y cho chị nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu H và cháu Y cho chị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình tranh tụng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị V nhưng chị V không có ý kiến gì bằng văn bản và

cũng không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn D.

1.1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm V.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Dương Ngọc H, sinh ngày 27/6/2003 và Nguyễn Dương Ngọc Y, sinh ngày 22/6/2005 cho chị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không có ý kiến và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.4 Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh D đã nộp theo biên lai thu số Ng 0012346 ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên anh D không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh D và chị V vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- UBND xã S;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Cảnh